TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19 /2024/QĐST-DS.	*Thành phố T, ngày 10 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 111/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là sự tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn H- Sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1945

Địa chỉ: Số nhà 277 Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Bà Bùi Thị H1 - Sinh năm 1958; Địa chỉ: Tiểu khu 12, thị trấn V, huyện Thiệu H, tỉnh Thanh Hóa.

2.Bà Bùi Thị H2 - Sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bùi Văn H3 – Sinh năm 1969; Địa chỉ: Số nhà 37, khu 4, thị trấn X, C, Hà Nội

4. Ông Bùi Văn H4 - Sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa

5. Ông Bùi Văn H5- Sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 38, cụm 3, phường N, Q, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi

Văn H- Sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn D, xã Định H, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2022 và biên bản thỏa thuận ngày 02/4/2024)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên đương sự thống nhất đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số nhà 277 Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, thửa đất số 160 tờ bản đồ số 12 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00177/1524/ QĐ – UBND cấp ngày 15/4/2010 cho ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị N.

2.2. Công nhận di chúc ngày 13/10/2017 của ông Bùi Văn L để lại là ½ đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số nhà 277 Q, phường , thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cho sáu người gồm: Ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn H.

2.3.Về giá trị tài sản: Giá trị đất tài sản trên đất tại địa chỉ: số nhà 277 Q, phường Đông V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa có tổng số tiền là: 2.839.712.600đồng.

2.4. Các đương sự thống nhất bà Nguyễn Thị N phải thanh toán lại kỷ phần thừa kế nhà đất tại địa chỉ số nhà 277 Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cho ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị H1, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Văn H3, ông Bùi Văn H4, ông Bùi Văn H5, mỗi kỷ phần là 66.666.666đ, tổng 06 kỷ phần số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng chẵn).

2.5. Ông Bùi Văn H xác nhận đã nhận đủ suất thừa kế của ông và của bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị H, ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn H, tổng số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn) do bà Nguyễn Thị Năm giao lại. Ông H, bà H1, bà H2, ông H3, ông H4, ông H5 không có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Bùi Văn L ngày 13/10/2017. Các bên không có thắc mắc gì với nhau.

2.6. Bà Nguyễn Thị Năm được toàn quyền sở hữu đất và tài sản trên đất tại địa chỉ: số nhà 277 Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, thửa đất số 160 tờ bản đồ số 12 có diện tích 100,62m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00177/1524/ QĐ – UBND cấp ngày 15/4/2010

2.7. Bà Nguyễn Thị N có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sở hữu theo quy định của Pháp luật đối với đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số nhà 277 Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, thửa đất số 160 tờ bản đồ số 12 có diện tích 100,62m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00177/1524/ QĐ – UBND cấp ngày 15/4/2010 theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N thực hiện thủ tục sở hữu tài sản trên thì các đồng thừa kế theo di chúc của ông Bùi Văn L phải có trách nhiệm cùng với bà

N thực hiện các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sở hữu cho bà Năm.

2.8. Về chi phí tố tụng: Gồm chi phí đo vẽ, định giá ông Bùi Văn H tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

2.9. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị H1 thuộc diện được miễn án phí dân sự.

Các đương sự phải nộp án phí: Bà Bùi Thị H2, ông Bùi Văn H3, ông Bùi Văn H4, ông Bùi Văn H5 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền tương ứng với suất thừa kế mà mình được hưởng, mỗi người phải nộp 1.666.000đ (làm tròn số).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKS ND TP T
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN
(đã ký)

Lê Thị Hoa